TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST
Ngày: 21 – 9 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu T– Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B Chi nhánh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 32 đường Ng, Phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc về việc Ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh).

Người được ông Trần Hữu T ủy quyền lại: Ông Dương Chí Kh, sinh năm: 1984. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. (Theo giấy ủy quyền số 520/2022/UQ-LienVietPostBank.HG ngày 06 tháng 9 năm 2022)

2. Bị đơn:

2.1. Anh Danh C, sinh năm: 1979.

2.2. Chị Thị B1, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã Ng, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Chí Khanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD80320202290 ngày 09/11/2020 với anh Danh C và chị Thị B1 cụ thể như sau:

Anh Danh C và chị Thị B1 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền là 100.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Từng lần; Mục đích vay: Trồng rau – nuôi heo – nuôi cá lóc; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 10/11/2020 đến hết ngày 08/10/2021; Lãi suất cho vay: 13%/năm; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày 08/10/2021; Thời hạn trả lãi: Trả định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 07/5/2021; 08/10/2021 .

Trong quá trình vay anh C và chị B1 không thực hiện đúng theo như thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết. Nay hợp đồng tín dụng HDTD80320202290 ngày 09/11/2020 đã quá hạn kể từ ngày **09/12/2021**. Tính đến ngày 27/02/2022, anh C và chị B1 còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền vay còn nợ là 112.928.902 đồng, cụ thể như sau:

- Nơ gốc: 100.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn chưa trả: 5.342.601 đồng.

- Lãi quá hạn chưa trả: 7.586.301 đồng.

- Tổng cộng: 112.928.902 đồng.

Đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên tổng số nợ gốc cho đến ngày anh C và chị B1 thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và số tiền tính đến thời điểm xét xử mà anh C và chị B1 còn nợ của ngân hàng là 123.934.325 đồng.

- Nơ gốc: 99.999.952 đồng.

- Lãi trong hạn chưa trả: 5.342.601 đồng.

- Lãi quá hạn chưa trả: 18.591.772 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh C và chị Thị B1 đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời trình bày của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh Danh C và chị Thị B1 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Danh C và chị Thị B1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cở sở xác định: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B và anh Danh C và chị Thị B1 có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD80320202290 ngày 09/11/2020. Căn cứ hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho anh C và chị B1 với số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ thì anh C và chị B1 không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng đến nay anh C và chị B1 không thanh toán nợ cho ngân hàng nên khoản vay này đã quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì anh C và chị B1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vốn là 99.999.952 đồng. Do anh C và chị B1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần B, xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số HDTD80320202290 ngày 09/11/2020 thỏa thuận lãi suất trong hạn: 13%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Anh C và chị B1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh C và chị B1 phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh C và chị B1 đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh C và chị B1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh C và chị B1 trả tổng số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng là 123.934.325 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ đó, có cơ sở buộc anh C và chị B1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ tổng cộng 123.934.325 đồng; trong đó vốn gốc 99.999.952 đồng, lãi trong hạn 5.342.601 đồng, lãi quá hạn 18.591.772 đồng.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh C và chị B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ được tính cụ thể như sau: 123.934.325 đồng x 5% = 6.196.716 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0006344 phiếu lập ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với anh Danh C và chị Thị B1.

2. Buộc anh Danh C và chị Thị B1 cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ tổng cộng 123.934.325 đồng; trong đó vốn gốc 99.999.952 đồng, lãi trong hạn 5.342.601 đồng, lãi quá hạn 18.591.772 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh C và chị B1 phải chịu là 6.196.716 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0006344 phiếu lập ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Thới Phần